TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ BA ĐỒN** **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2018/DS-ST
Ngày 26 - 11 - 2018
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BA ĐỒN, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Anh T

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Công Nghĩa;
2. Ông Hoàng Thanh Diện.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Anh T – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Phương Nhung – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã B, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 14/2018/TLST-TCDS ngày 20 tháng 8 năm 2018 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2018/QĐST-TCDS ngày 01 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S

Địa chỉ: Số 266-268, đường N, Phường 8, Quận 3, thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D– Tổng Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thanh H - Giám đốc Ngân hàng TMCP S, chi nhánh Quảng Bình.

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Nguyễn Hoàng P – Trưởng Phòng giao dịch B - Ngân hàng TMCP S, chi nhánh Quảng Bình. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Đinh Ngọc T, sinh năm: 1984 và chị Hoàng Thị N, sinh năm: 1982.

Địa chỉ: thôn V, xã L, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/5/2018 và lời khai trong quá trình chuẩn bị xét xử vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng P trình bày: Ngày 18/3/2014 Phòng giao dịch B - Ngân hàng TMCP S, chi nhánh Quảng Bình đã ký hợp đồng tín dụng số LD1407700176 với ông Đinh Ngọc T và bà Hoàng Thị N, nơi cư trú: thôn V, xã L, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Số tiền vay theo Hợp đồng tín dụng nêu trên là 120.000.000 đồng. Mục đích sử dụng: Sửa chữa nhà ở; Lãi suất 06 tháng đầu 12%/năm, từ tháng thứ 7 trở đi lãi suất bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm VNĐ 13 tháng lãnh lãi sau của Sacombank quyết định điều chỉnh theo chu kỳ 03 tháng/lần và phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước về lãi suất cho vay. Lãi suất điều chỉnh trong từng thời kỳ được hiểu là lãi suất điều chỉnh nhưng định kỳ điều chỉnh là không bắt buộc. Thời hạn vay là 60 tháng. Thời hạn nhận tiền vay đến hết ngày 18/9/2014. Thời điểm trả hết nợ là 18/3/2019, phương thức trả hết nợ: Trả gốc và lãi hàng tháng. Nợ gốc được chia thành nhiều kỳ trả nợ và được trả theo Phụ lục về lịch trả nợ đính kèm Hợp đồng; Phương thúc tính lãi: Số tiền trả lãi vay mỗi kỳ được tính theo số dư nợ thực tế mỗi ngày, số ngày thực tế mỗi tháng nhân với lãi suất cho vay; Kỳ trả lãi: ngày 28 hàng tháng.

Về tài sản bảo đảm cho khoản vay là toàn bộ hiện trạng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 244, tờ bản đồ số 4, diện tích 110,0 m2 mang tên ông Đinh Ngọc T và bà Hoàng Thị N, tại thôn V, xã L, huyện T, tỉnh Quảng Bình (Nay là thị xã B, tỉnh Quảng Bình) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BQ600502, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CH00150 do Uỷ ban nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Bình cấp ngày 16/12/2013.

Hợp đồng bảo đảm là Hợp đồng thế chấp bất động sản số số 73/PGD/2014/HĐTC ký ngày 19/3/2014, được Văn phòng Công chứng N chứng nhận ngày 19/03/2014, số công chứng 644, quyển số 03TP/CC-SCC, đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký quyền sử đất huyện T ngày 21/03/2014, vào sổ tiếp nhận hồ sơ quyển số 01, số thứ tự 750.

Quá trình thực hiện hợp đồng ông Đinh Ngọc T và bà Hoàng Thị N từ tháng 4/2014 đến tháng 10/2016 thực hiện trả gốc và lãi đầy đủ theo Hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần đã ký giữa hai bên. Từ tháng 11/2016 ông Đinh Ngọc T và bà Hoàng Thị N đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán để phát sinh nợ quá hạn, mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần gửi thông báo nhưng ông T bà N vẫn không trả nợ cho Ngân hàng. Số tiền mà ông T bà N còn nợ Ngân hàng tính đến ngày 26/11/2018 là 73.463.290 đồng, trong đó nợ gốc là 56.000.000 đồng, tiền lãi là 17.463.290 đồng. Nay ngân hàng khởi

kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Đinh Ngọc T và bà Hoàng Thị N trả cho Ngân hàng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 26/11/2018 là 73.463.290 và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 27/11/2018 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ cho Ngân hàng. Trường hợp ông T bà N không trả nợ cho Ngân hàng thì yêu cầu xử lý các tài sản thế chấp nêu trên để thu hồi nợ cho Ngân hàng

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng thủ tục pháp luật quy định. Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn đã tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng bao gồm Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần nhưng ông Đinh Ngọc T và bà Hoàng Thị N vẫn không có mặt tại Tòa án để trình bày ý kiến, do đó Tòa án không ghi lời khai và không tiến hành phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã B phát biểu ý kiến, quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự được quy định tại các Điều 36, Điều 39, Điều 68, Điều 93, Điều 94, Điều 95, Điều 96, Điều 97, Điều 195, Điều 196 và Điều 203.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện và chấp hành quyền và nghĩa vụ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự được quy định tại Điều 70, Điều 71 và Điều 234. Bị đơn vắng mặt nhưng Tòa án đã thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông Đinh Ngọc T và bà Hoàng Thị N.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: điểm a khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 471, Điều 474, Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 90, Điều 91, Điều 94, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010. chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S. Buộc ông Đinh Ngọc T và bà Hoàng Thị N trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền 73.463.290 đồng. Trong đó tiền gốc là 56.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 26/11/2018 là 17.463.290. Trường hợp bị đơn không thanh toán tiền thì nguyên đơn có quyền yêu cầu phát mãi tài sản để thu hồi nợ.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên ý kiến, yêu cầu của mình và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngân hàng TMCP S khởi kiện yêu cầu ông Đinh Ngọc T và bà Hoàng Thị N trả nợ cho Ngân hàng số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 26/11/2018 là 73.463.290 đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng nên Tòa án xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng". Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã xác minh nơi cư trú của bị đơn đã xác định địa chỉ thôn V, xã L, thị xã B, tỉnh Quảng Bình là nơi cư trú cuối cùng của bị đơn. Do đó theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã B. Về sự vắng mặt của bị đơn ông Đinh Ngọc T và bà Hoàng Thị N, qua biên bản xác minh ngày 31/10/2018 đại diện Uỷ ban nhân dân xã L cho biết ông T bà N hiện đang sinh sống tại thôn V, xã L, thị xã B, tỉnh Quảng Bình cho đến nay. Các văn bản tố tụng của Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn đã được cán bộ liên lạc Uỷ ban xã L tống đạt trực tiếp cho bà N, bà N đã nhận nhưng không đến Tòa án để giải quyết vụ án. Điều đó chứng tỏ các văn bản tố tụng của Tòa án đã được tống đạt hợp lệ nhưng anh T chị N không chấp hành. Do vậy, Tòa án nhân dân thị xã B căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông T bà N.

[2] Về nội dung vụ án: Nguyên đơn Ngân hàng TMCP S yêu cầu ông Đinh Ngọc T và bà Hoàng Thị N thanh toán cho Ngân hàng số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 26/11/2018 là 73.463.290 đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng. Trường hợp ông T bà N không trả được nợ thì yêu cầu Tòa án phát mãi tài sản bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng đã ký kết giữa hai bên.

[3] Xét giao dịch dân sự giữa Ngân hàng TMCP S với ông Đinh Ngọc T và bà Hoàng Thị N được xác lập trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, các bên đương sự đều có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, hợp đồng được lập thành văn bản có chữ ký xác nhận của các bên, không bị lừa dối hay cưỡng ép, không trái đạo đức xã hội. Do đó, Hội đồng xét xử nhận định giao dịch dân sự nêu trên là hợp pháp.

Xét thấy các bên đã tự nguyện giao kết hợp đồng tín dụng theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự 2005, ông T bà N đã được nhận đủ tiền vay theo thỏa thuận nhưng trong quá trình thực hiện hợp đồng ông T bà N chỉ thanh toán cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP Ssố tiền gốc và lãi từ tháng 4/2014 đến tháng 10/2016. Còn từ tháng 11/2016 khi đến kỳ hạn trả gốc, lãi nhưng không thực hiện là vi phạm nghĩa vụ của bên vay. Quá trình giải quyết vụ án, phía bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng thông báo nội dung và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tại khoản 2 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 quy định "Đương sự phản đối yêu cầu

của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó" nhưng trong suốt quá trình giải quyết vụ án, ông T bà N vắng mặt, không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đại diện nguyên đơn cho thấy, việc ký hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng TMCP S với bị đơn là hoàn toàn có thật và bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền vay theo thỏa thuận. Do đó, đối chiếu với các quy định tại Điều 471, 473, 474 và 476 Bộ luật dân sự 2005, khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng thì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn có căn cứ để chấp nhận.

[4] Đối với yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp, Hội đồng xét xử xét thấy khi vay vốn để đảm bảo khoản tiền vay, bị đơn đã tự nguyện ký kết hợp đồng thế chấp bất động sản số 73/PGD/2014/HĐTC ngày 19/03/2014. Hợp đồng thế chấp trên tuân thủ theo quy định tại điều 343 Bộ luật dân sự 2005, có công chứng hợp pháp và được thực hiện đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định, nội dung hợp đồng là tự nguyện và không trái đạo đức xã hội, theo đó các bên thỏa thuận trong trường hợp bên vay vi phạm nghĩa vụ trả tiền, thì bên cho vay có quyền yêu cầu cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ và các khoản thu phí liên quan. Đối chiếu quy định tại các điều 343, 355 Bộ luật dân sự 2005 thì yêu cầu nguyên đơn là hoàn toàn phù hợp.

[5] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Đinh Ngọc T và bà Hoàng Thị N có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP S tổng số tiền tính đến ngày 26/11/2018 là 73.463.290 đồng (Trong đó tiền gốc là 56.000.000 đồng, lãi là 17.463.290 đồng) và tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận kể từ ngày tiếp theo của ngày tuyên án sơ thẩm là phù hợp. Trường hợp ông T bà N không trả được nợ thì Ngân hàng TMCP S có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B, tỉnh Quảng Bình thực hiện việc xử lý tài sản bảo đảm là thửa đất số 244, tờ bản đồ số 4, diện tích 110,0 m2 mang tên ông Đinh Ngọc T và bà Hoàng Thị N, tại thôn V, xã L, huyện T, tỉnh Quảng Bình (Nay là thị xã B, tỉnh Quảng Bình) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BQ600502, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CH00150 do Uỷ ban nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Bình cấp ngày 16/12/2013. Hợp đồng bảo đảm là Hợp đồng thế chấp bất động sản số số 73/PGD/2014/HĐTC ký ngày 19/3/2014, được Văn phòng Công chứng N chứng nhận ngày 19/03/2014, số công chứng 644, quyển số 03TP/CC-SCC, đã được đăng ký giao

dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký quyền sử đất huyện T ngày 21/03/2014, vào sổ tiếp nhận hồ sơ quyển số 01, số thứ tự 750.

[6] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 73.463.290 đồng x 5% = 3.673.164 đồng. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B, tỉnh Quảng Bình là 1.661.941 đồng theo Biên lai thu tiền số 0002115 ngày 17/8/2018.

[7] Xét ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã B là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40, Điều 92, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 273 và điểm a khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 471, 474, 476 Bộ luật dân sự 2005; khoản 1 Điều 357 Bộ luật dân sự 2015; khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Xét xử vụ án vắng mặt bị đơn ông Đinh Ngọc T và bà Hoàng Thị N.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Svề việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" đối với bị đơn ông Đinh Ngọc T và bà Hoàng Thị N.

Buộc ông Đinh Ngọc T và bà Hoàng Thị N có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP S tổng số tiền là 73.463.290 đồng (Bảy mươi ba triệu bốn trăm sáu mươi ba nghìn hai trăm chín mươi đồng). Trong đó tiền gốc là 56.000.000 đồng (Năm mươi sáu triệu đồng) và tiền lãi tính đến ngày 26/11/2018 là 17.463.290 đồng (Mười bảy triệu bốn trăm sáu mươi ba nghìn hai trăm chín mươi đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm 26/11/2018, ông Đinh Ngọc T và bà Hoàng Thị N còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẻ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu phía bị đơn không thanh toán tiền hoặc thanh toán không đầy đủ, thì nguyên đơn có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự thị xã B, tỉnh Quảng Bình thực hiện việc xử lý tài sản bảo đảm là thửa đất số 244, tờ bản đồ sô 4, diện tích 110,0 m2 mang tên ông Đinh Ngọc T

và bà Hoàng Thị N, tại thôn V, xã L, huyện T, tỉnh Quảng Bình (Nay là thị xã B, tỉnh Quảng Bình) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BQ600502, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CH00150 do Uỷ ban nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Bình cấp ngày 16/12/2013. Hợp đồng bảo đảm là Hợp đồng thế chấp bất động sản số số 73/PGD/2014/HĐTC ký ngày 19/3/2014, được Văn phòng Công chứng N chứng nhận ngày 19/03/2014, số công chứng 644, quyển số 03TP/CC-SCC, đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký quyền sử đất huyện T ngày 21/03/2014, vào sổ tiếp nhận hồ sơ quyển số 01, số thứ tự 750, để thi hành án.

3. Về án phí: Buộc bị đơn ông Đinh Ngọc T và bà Hoàng Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.673.164 đồng (Ba triệu sáu trăm bảy mươi ba nghìn một trăm sáu mươi bốn đồng); Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B, tỉnh Quảng Bình là 1.661.941 đồng (Một triệu sáu trăm sáu sáu mươi mốt nghìn chín trăm bốn mươi mốt đồng) theo Biên lai thu tiền số 0002115 ngày 17/8/2018.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 26/11/2018. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND thị xã B;
- Chi cục THADS thị xã B;
- Các đương sự;
- UBND xã L;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Anh Tuấn